

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ Á CHÂU



HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ

Số: 05/ACHAU/ 2021

Viên sủi Oresol AC

TẬP HỒ SƠ GỒM CÓ:

1. Bản tự công bố
2. Nội dung nhãn sản phẩm dự kiến
3. Phiếu kết quả kiểm nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/ACHAU/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ Á CHÂU

Địa chỉ: Số 28, tổ 19, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02422021185

Email: duocphamquocteachau@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0105243049

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (của cơ sở sản xuất): Chứng nhận ISO 22000:2018 của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ Á CHÂU số **HA 344-21**
Ngày Cấp: 20/07/2021 Nơi cấp: Viện nghiên cứu tiêu chuẩn chất lượng

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Viên sủi Oresol AC

2. Thành phần:

- Glucose khan: 1,35g
- Kali clorid: 0,15g
- Natri Clorid : 0,26g

Phụ liệu: Acid citric, Natri bicarbonat, Hương trái cây, PEG 6000, Povidon, Màu sunset yellow, Aspartam, Natri Sarcharin, Natri benzoat vừa đủ 1 viên.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất, hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Viên 3g, 4g.

Tuýp 10 viên, Tuýp 20 viên. 10 tuýp có đế hoặc không có đế.

Vi 6 viên, 10 viên. Hộp 5 vi, 10 vi

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm đóng gói Tuýp PE,PP,PET, vi Alu-alu/ Alu-PVC đựng trong hộp giấy cứng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ Á CHÂU

Địa chỉ: Thôn Nhạn Tháp, xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm;

QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

QCVN 8-3:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2021
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



(Ký tên, đóng dấu)

CHỦ TỊCH HĐQT
Vương Đức Hiền



Viên Sủi



THÀNH PHẦN: Trong mỗi viên sủi có chứa:

Glucose khan..... 1,35g
Kali clorid 0,15g
Natri Clorid..... 0,26g
Phụ liệu: Acid citric, Natri bicarbonat, Hương trái cây, PEG 6000, Povidon, Màu sunset yellow, Aspartam, Natri Sarcharin, Natri benzoat vừa đủ 1 viên.

Sản phẩm thích hợp dùng cho:

- Người bị mất nước do nôn mửa, sốt cao, mất nước trong các trường hợp lao động nặng, chơi thể thao.
- Người bị tiêu chảy trên 3 lần/ngày

Cảnh báo: Không dùng cho người bị kali máu cao

CÁCH DÙNG:

- Cho 1 viên với 100 ml nước đun sôi để nguội, đợi cho sủi tan hoàn toàn rồi uống
- Mỗi lần 1 viên, ngày 1-2 lần

Thực phẩm bổ sung Viên sủi Oresol

Bù nước và điện giải giúp bổ sung năng lượng, giúp cơ thể nhanh thải độc trong các trường hợp nôn mửa, mất nước.

BẢO QUẢN:

Để nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp, nhiệt độ không quá 30°C. Để xa tầm tay trẻ em. Đậy nắp kín sau khi dùng.

TIÊU CHUẨN: TCCS

SỐ TCB:

LSX, NSX, HSD: xem dưới đáy tuýp.

Chịu trách nhiệm chất lượng sản phẩm:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ Á CHÂU

Địa chỉ: Số 28, tổ 19, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Nhà máy sản xuất:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ Á CHÂU

Địa chỉ: Thôn Nhạn Tháp, xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 02422021185 / 0983600569

Viên Sủi

Giải khát, bù nước và điện giải

Thực phẩm bổ sung

10
viên

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: DVB210800713-1

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ Á CHÂU
- Địa chỉ/ Client's Address : Số 28, Tổ 19, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 18/08/2021
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 18/08/2021
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 23/08/2021
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Viên sủi Oresol AC
Nhà sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ Á CHÂU
Địa chỉ: Thôn Nhạn Tháp, xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu dạng viên nén sủi đựng trong bao bì kín
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
2	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	MPN/g	0	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
4	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and moulds (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
5	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	1.2x10 ²	CFU/g	10	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
6	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.007	TS-KT-QP-02:2018(Ref. TCVN 10912:2015 AOAC 2015.01 FDA 4.7 version 1.1 (3/2015))
7	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-02:2018(Ref. TCVN 10912:2015 AOAC 2015.01 FDA 4.7 version 1.1 (3/2015))

TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: DVB210800713-1

Trang/ Page No: 2/2

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
8	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-02:2018(Ref. TCVN 10912:2015 AOAC 2016.01 FDA 4.7 version 1.1 (3/2015))

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



NGUYỄN MINH NHỰT

TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04